

Số: 1852/QĐ-SVHTT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 10 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại Sở Văn hóa và Thể thao Thành phố Hồ Chí Minh

GIÁM ĐỐC SỞ VĂN HÓA VÀ THỂ THAO

Căn cứ Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố về Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/TT-BKHCN ngày 10 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết thi hành Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Biên bản họp xem xét lãnh đạo về Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2015 ngày 08 tháng 10 năm 2020 và các hồ sơ đánh giá nội bộ năm 2020;

Xét Phiếu trình của Chánh Văn phòng Sở,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố 70 thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn, điện ảnh, di sản văn hóa, thi đua – khen thưởng, xuất nhập khẩu văn hóa phẩm, văn hóa cơ sở, mỹ thuật – triển lãm, nhiếp ảnh, gia đình, thư viện và thể thao trong Hệ thống quản lý chất lượng tại Sở Văn hóa và Thể thao Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 theo quy định tại Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ (chi tiết tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Thành viên Ban chỉ đạo ISO, thành viên Tổ Công tác ISO, Chánh Văn phòng Sở, Trưởng phòng Tổ chức – Pháp chế, Trưởng phòng

Quản lý Di sản văn hóa, Trưởng phòng Nghệ thuật, Trưởng phòng Xây dựng nếp sống văn hóa và Gia đình, Trưởng phòng Quản lý Thể dục thể thao, Trưởng phòng Kiểm tra Văn hóa phẩm xuất nhập khẩu và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBNDTP (để báo cáo);
- Sở KHCN;
- Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, Thư ký ISO (Hg).



GIÁM ĐỐC

Trần Thế Thuận

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN CÔNG BỐ

SỞ VĂN HÓA VÀ THỂ THAO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Công bố Hệ thống quản lý chất lượng tại Sở Văn hóa và Thể thao phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 đối với các hoạt động thuộc phạm vi quản lý nhà nước và giải quyết thủ tục hành chính của Sở Văn hóa và Thể thao

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1852 /QĐ-SVHTT ngày 09 tháng 10 năm 2020 của Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao Thành phố Hồ Chí Minh)

Bản công bố này có hiệu lực kể từ ngày ban hành./.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 10 năm 2020



GIÁM ĐỐC

Trần Thế Thuận



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ VĂN HÓA VÀ THỂ THAO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC
DANH MỤC QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
CỦA SỞ VĂN HÓA VÀ THỂ THAO ĐƯỢC CÔNG BỐ PHÙ HỢP
TIÊU CHUẨN QUỐC GIA TCVN ISO 9001:2015

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1852/QĐ-SVHTT ngày 09 tháng 10 năm 2020 của Sở Văn hóa và Thể thao)

STT	Tên quy trình	Ghi chú
1.	Thủ tục đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia	QT01
2.	Thủ tục cấp phép cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu, sưu tầm di sản văn hóa phi vật thể tại địa phương	QT02
3.	Thủ tục xác nhận đủ điều kiện được cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập	QT03
4.	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập	QT04
5.	Thủ tục cấp phép khai quật khẩn cấp	QT05
6.	Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề mua bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia.	QT06
7.	Thủ tục công nhận bảo vật quốc gia đối với bảo tàng cấp tỉnh, ban hoặc trung tâm quản lý di tích	QT07
8.	Thủ tục công nhận bảo vật quốc gia đối với bảo tàng ngoài công lập, tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc đang quản lý hợp pháp hiện vật	QT08
9.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật.	QT09
10.	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật.	QT10
11.	Thủ tục Thỏa thuận thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích cấp tỉnh	QT11
12.	Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích	QT12
13.	Thủ tục cấp lại chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích do hết	QT13

	hạn sử dụng hoặc bị hỏng	
14.	Thủ tục cấp lại chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích do bị mất hoặc bổ sung nội dung hành nghề	QT14
15.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích	QT15
16.	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích do hết hạn sử dụng hoặc bị hỏng	QT16
17.	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích do bị mất hoặc bổ sung nội dung hành nghề.	QT17
18.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp	QT18
19.	Thủ tục đăng cai tổ chức giải thi đấu vô địch từng môn thể thao của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	QT19
20.	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với trường hợp thay đổi một trong các nội dung của Giấy chứng nhận (tên và địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp; địa điểm kinh doanh hoạt động thể thao; danh mục hoạt động thể thao kinh doanh)	QT20
21.	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với trường hợp Giấy chứng nhận đủ điều kiện bị mất hoặc hư hỏng.	QT21
22.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với doanh nghiệp	QT22
23.	Thủ tục cấp giấy phép phổ biến phim (- Phim tài liệu, phim khoa học, phim hoạt hình do cơ sở điện ảnh thuộc địa phương sản xuất hoặc nhập khẩu; - Cấp giấy phép phổ biến phim truyện khi năm trước liền kề, các cơ sở điện ảnh thuộc địa phương đáp ứng các điều kiện: + Sản xuất ít nhất 10 phim truyện nhựa được phép phổ biến; + Nhập khẩu ít nhất 40 phim truyện nhựa được phép phổ biến)	QT23
24.	Thủ tục cấp giấy phép phổ biến phim có sử dụng hiệu ứng đặc biệt tác động đến người xem phim (do các cơ sở điện ảnh thuộc địa phương sản xuất hoặc nhập khẩu).	QT24

25.	Thủ tục cấp giấy phép tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang cho các tổ chức thuộc địa phương	QT25
26.	Thủ tục cấp giấy phép cho tổ chức, cá nhân Việt Nam thuộc địa phương ra nước ngoài biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang	QT26
27.	Thủ tục cấp giấy phép cho đối tượng thuộc địa phương mời tổ chức, cá nhân nước ngoài vào biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang tại địa phương	QT27
28.	Thủ tục cấp giấy phép tổ chức thi người đẹp, người mẫu trong phạm vi địa phương	QT28
29.	Thủ tục đề nghị chấp thuận địa điểm đăng cai vòng chung kết cuộc thi người đẹp, người mẫu	QT29
30.	Thủ tục cấp giấy phép phê duyệt nội dung bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu cho các tổ chức thuộc địa phương	QT30
31.	Thủ tục thông báo nội dung chương trình biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu	QT31
32.	Thủ tục cấp giấy phép kinh doanh karaoke	QT32
33.	Thủ tục cấp giấy phép kinh doanh vũ trường	QT33
34.	Thủ tục cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam	QT34
35.	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam	QT35
36.	Thủ tục cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam	QT36
37.	Thủ tục cấp giấy phép tổ chức lễ hội	QT37
38.	Thủ tục tiếp nhận hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng quảng cáo, băng-rôn	QT38
39.	Thủ tục thông báo tổ chức đoàn người thực hiện quảng cáo	QT39
40.	Thủ tục xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”	QT40
41.	Thủ tục xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú”	QT41
42.	Thủ tục xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể	QT42

43.	Thủ tục xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể	QT43
44.	Thủ tục xét tặng “Giải thưởng Hồ Chí Minh” về văn học, nghệ thuật	QT44
45.	Thủ tục xét tặng “Giải thưởng Nhà nước” về văn học, nghệ thuật	QT45
46.	Thủ tục xét tặng Kỷ niệm chương “Vi sự nghiệp Văn hóa, Thể thao và Du lịch”	QT46
47.	Thủ tục thông báo tổ chức thi sáng tác tác phẩm mỹ thuật	QT47
48.	Thủ tục cấp giấy phép triển lãm mỹ thuật (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	QT48
49.	Thủ tục cấp giấy phép sao chép tác phẩm mỹ thuật về danh nhân văn hóa, anh hùng dân tộc, lãnh tụ	QT49
50.	Thủ tục cấp giấy phép xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng	QT50
51.	Thủ tục cấp giấy phép tổ chức trại sáng tác điều khắc không có sự tham gia của tổ chức, cá nhân nước ngoài	QT51
52.	Thủ tục cấp Giấy phép đưa tác phẩm mỹ thuật từ Việt Nam ra nước ngoài triển lãm không mang danh nghĩa đại diện cho quốc gia Việt Nam.	QT52
53.	Thủ tục cấp giấy phép nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh thuộc thẩm quyền của Sở Văn hóa và Thể thao	QT53
54.	Thủ tục giám định văn hóa phẩm xuất khẩu không nhằm mục đích kinh doanh của cá nhân, tổ chức ở địa phương	QT54
55.	Thủ tục phê duyệt nội dung tác phẩm tạo hình, mỹ thuật ứng dụng, tác phẩm nhiếp ảnh nhập khẩu	QT55
56.	Thủ tục xác nhận danh mục sản phẩm nghe nhìn có nội dung vui chơi giải trí nhập khẩu	QT56
57.	Thủ tục đăng ký hoạt động thư viện tư nhân có vốn sách ban đầu từ 2.000 bản trở lên	QT57
58.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố)	QT58
59.	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của	QT59

	cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố)	
60.	Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	QT60
61.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố)	QT61
62.	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	QT62
63.	Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	QT63
64.	Thủ tục cấp Thẻ nhân viên chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình	QT64
65.	Thủ tục cấp lại Thẻ nhân viên chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình	QT65
66.	Thủ tục cấp Thẻ nhân viên tư vấn phòng, chống bạo lực gia đình	QT66
67.	Thủ tục cấp lại Thẻ nhân viên tư vấn phòng, chống bạo lực gia đình	QT67
68.	Thủ tục tiếp nhận văn bản thông báo đối với vận động sáng tác, trại sáng tác, thi, liên hoan tác phẩm nhiếp ảnh tại Việt Nam không phải do các bộ, ban, ngành, đoàn thể trung ương và tổ chức nước ngoài tổ chức	QT68
69.	Thủ tục triển lãm tác phẩm Nhiếp ảnh tại Việt Nam (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố)	QT69
70.	Thủ tục đưa tác phẩm nhiếp ảnh từ Việt Nam ra nước ngoài triển lãm không phải đại diện cho quốc gia Việt Nam	QT70

